

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP LLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 7, TẠI ĐẢNG BỘ
HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Khối kiến thức: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị. Nhà nước pháp luật và QLHCNN; Đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống xã hội

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Phạm Thế Anh	19/01/1983	1	57	7.0	Bảy	
2	Lê Thị Kim Anh	28/8/1987	2	56	7.5	Bảy rưỡi	
3	Trần Văn Bảo	26/4/1984	3	03	7.0	Bảy	
4	Lại Tiến Biên	06/02/1988	4	30	6.5	Sáu rưỡi	
5	Nguyễn Thị Ca	14/02/1987	5	23	7.5	Bảy rưỡi	
6	Hoàng Thị Minh Chi	08/11/1984	6	18	7.0	Bảy	
7	Nông Thúy Diệp	08/02/1971	7	19	7.5	Bảy rưỡi	
8	Dương Thị Diệu	13/4/1987	8	39	7.5	Bảy rưỡi	
9	Vũ Thị Dung	07/5/1988	9	45	8.0	Tám	
10	Đinh Quang Dũng	28/5/1985	10	54	7.5	Bảy rưỡi	
11	Lại Văn Đại	05/02/1985	11	17	7.0	Bảy	
12	Phan Hải Đăng	07/8/1975	12	48	6.5	Sáu rưỡi	
13	Trần Văn Đào	09/4/1983	13	32	8.0	Tám	
14	Nguyễn Thị Đón	05/12/1968	14	20	7.0	Bảy	
15	Nguyễn Thị Thái Hà	25/4/1982	15	26	7.5	Bảy rưỡi	
16	Mã Thị Hà	15/6/1976	16	10	7.0	Bảy	
17	Trần Thị Việt Hà	14/8/1973	17	44	7.0	Bảy	
18	Ma Xuân Hậu	15/12/1977	18	15	7.0	Bảy	
19	Đào Thị Thu Hiền	30/4/1982	19	47	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
20	Vũ Thị Thu Hiền	26/8/1985	20	55	7.0	Bảy	
21	Hoàng Trung Hiếu	03/02/1978	21	27	8.0	Tám	
22	Nguyễn Trung Hiếu	15/12/1979	22	08	6.5	Sáu rưỡi	
23	Nguyễn Văn Hợi	09/8/1984	23	37	7.5	Bảy rưỡi	
24	Bùi Thị Thu Hương	10/11/1979	24	52	8.0	Tám	
25	Trịnh Thị Thu Hường	16/9/1985	25	12	7.5	Bảy rưỡi	
26	Nguyễn Mạnh Hưởng	15/01/1984	26	36	7.5	Bảy rưỡi	
27	Đào Thị Thanh Huyền	10/3/1993	27	46	7.5	Bảy rưỡi	
28	Đào Thị Huyền	20/3/1980	28	13	7.0	Bảy	
29	Vũ Xuân Lâm	23/3/1985	29	14	7.5	Bảy rưỡi	
30	Vũ Thị Liên	23/01/1971	30	25	7.5	Bảy rưỡi	
31	Nguyễn Thị Bích Liên	12/8/1977	31	40	7.0	Bảy	
32	Hầu Văn Lương	08/8/1969	32	34	7.0	Bảy	
33	Bùi Thị Nga	14/11/1973	33	16	7.5	Bảy rưỡi	
34	Ma Đình Nguyên	27/10/1980	34	22	7.0	Bảy	
35	Nguyễn Thị Như Nguyệt	16/10/1986	35	01	7.5	Bảy rưỡi	
36	Triệu Tiến Ninh	16/8/1978	36	42	6.5	Sáu rưỡi	
37	Lương Thanh Phương	08/02/1990	37	50	7.5	Bảy rưỡi	
38	Lê Thị Quỳnh Phương	10/10/1992	38	49	7.5	Bảy rưỡi	
39	Nguyễn Quốc Phương	07/3/1978	39	35	7.5	Bảy rưỡi	
40	Phạm Minh Quân	07/8/1981	40	53	7.5	Bảy rưỡi	
41	Lương Văn Quý	19/5/1987	41	43	6.0	Sáu	
42	Hoàng Thị Quỳnh	14/7/1985	42	06	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Thị Thành	24/02/1970	43	11	7.0	Bảy	
44	Đoàn Thị Bích Thảo	02/02/1983	44	24	7.0	Bảy	
45	Bùi Thị Thảo	01/5/1978	45	02	7.0	Bảy	
46	Tô Đức Thuận	20/4/1978	46	21	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo dan	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
47	Trần Thị Thuý	14/7/1976	47	09	7.0	Bảy	
48	Phạm Thị Thúy	24/4/1987	48	04	8.0	Tám	
49	Nguyễn Thị Hồng Thúy	04/5/1990	49	51	7.0	Bảy	
50	Vũ Thị Bích Thùy	09/02/1984	50	38	8.0	Tám	
51	Nguyễn Trọng Thủy	06/8/1972	51	41	8.0	Tám	
52	Võ Văn Tiến	30/6/1971	52	31	7.0	Bảy	
53	Nịnh Xuân Toán	10/2/1990	53	33	8.0	Tám	
54	Trần Xuân Trường	11/12/1989	54	28	7.5	Bảy rưỡi	
55	Tô Minh Tuấn	07/8/1979	55	05	7.5	Bảy rưỡi	
56	Dương Đức Việt	19/4/1984	56	29	7.5	Bảy rưỡi	
57	Hạc Thị Nga (K5-ĐUK)	08/9/1986	57	07	7.5	Bảy rưỡi	

THƯ KÝ



Nguyễn Phúc Ái

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI
ĐỒNG



Nguyễn Văn Nhâm

